

VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực tổ chức cán bộ
thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 281/KH-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong các cơ quan hành chính nhà nước thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch số 219/KH-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc rà soát, đơn giản hóa, chuẩn hóa, điện tử hóa thủ tục hành chính nội bộ trong các cơ quan hành chính nhà nước thành phố Hà Nội năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1151/TTr-SNNMT-VP ngày 26 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 32 thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực tổ chức cán bộ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trương Việt Dũng

**Phụ lục I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ LĨNH VỰC
TỔ CHỨC CÁN BỘ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*(Kèm theo Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội)*

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP TỈNH			
1	Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV lên Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III.	Tổ chức cán bộ	- Phòng Tổ chức cán bộ Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan
2	Xét thăng hạng viên chức từ Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III lên Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng II.	Tổ chức cán bộ	- Phòng Tổ chức cán bộ Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan
3	Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên giám định thuốc bảo vệ thực vật hạng IV lên Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng III.	Tổ chức cán bộ	- Phòng Tổ chức cán bộ Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan
4	Xét thăng hạng viên chức từ Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng III lên Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng II.	Tổ chức cán bộ	- Phòng Tổ chức cán bộ Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan
5	Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên kiểm nghiệm cây trồng hạng IV lên Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng III.	Tổ chức cán bộ	- Phòng Tổ chức cán bộ Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
6	Xét thăng hạng viên chức từ Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng III lên Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng II.	Tổ chức cán bộ	- Phòng Tổ chức cán bộ Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan
7	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Kỹ thuật viên chẩn đoán bệnh động vật hạng IV lên chẩn đoán bệnh động vật hạng III.	Tổ chức cán bộ	- Phòng Tổ chức cán bộ Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan
8	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ chẩn đoán bệnh động vật hạng III lên chẩn đoán bệnh động vật hạng II.	Tổ chức cán bộ	- Phòng Tổ chức cán bộ Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan
9	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Kỹ thuật viên kiểm tra vệ sinh thú y hạng IV lên Kiểm tra viên vệ sinh thú y hạng III.	Tổ chức cán bộ	- Phòng Tổ chức cán bộ Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan
10	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Kiểm tra viên vệ sinh thú y hạng III lên Kiểm tra viên vệ sinh thú y hạng II.	Tổ chức cán bộ	- Phòng Tổ chức cán bộ Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan
11	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Kỹ thuật viên kiểm nghiệm thuốc thú y hạng IV lên Kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng III	Tổ chức cán bộ	- Phòng Tổ chức cán bộ Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan
12	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng III lên Kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng II	Tổ chức cán bộ	- Phòng Tổ chức cán bộ Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
13	Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên kiểm nghiệm chăn nuôi hạng IV lên Kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng III	Tổ chức cán bộ	- Phòng Tổ chức cán bộ Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan
14	Xét thăng hạng viên chức từ Kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng III lên Kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng II	Tổ chức cán bộ	- Phòng Tổ chức cán bộ Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan
15	Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên kiểm nghiệm thủy sản hạng IV lên Kiểm nghiệm viên thủy sản hạng III	Tổ chức cán bộ	- Phòng Tổ chức cán bộ Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan
16	Xét thăng hạng viên chức từ Kiểm nghiệm viên thủy sản hạng III lên Kiểm nghiệm viên thủy sản hạng II	Tổ chức cán bộ	- Phòng Tổ chức cán bộ Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan
17	Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên khuyến nông hạng IV lên Khuyến nông viên hạng III	Tổ chức cán bộ	- Phòng Tổ chức cán bộ Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan
18	Xét thăng hạng viên chức từ Khuyến nông viên hạng III lên Khuyến nông viên chính hạng II	Tổ chức cán bộ	- Phòng Tổ chức cán bộ Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan
19	Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên quản lý bảo vệ rừng hạng IV lên quản lý bảo vệ rừng viên hạng III	Tổ chức cán bộ	- Phòng Tổ chức cán bộ Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
20	Xét thăng hạng viên chức từ Quản lý bảo vệ rừng viên hạng III lên Quản lý bảo vệ rừng viên chính hạng II	Tổ chức cán bộ	- Phòng Tổ chức cán bộ Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan
21	Xét thăng hạng địa chính viên hạng III	Tổ chức cán bộ	- Phòng Tổ chức cán bộ Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan
22	Xét thăng hạng địa chính viên hạng II	Tổ chức cán bộ	- Phòng Tổ chức cán bộ Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan
23	Xét thăng hạng Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III	Tổ chức cán bộ	- Phòng Tổ chức cán bộ Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan
24	Xét thăng hạng Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng II	Tổ chức cán bộ	- Phòng Tổ chức cán bộ Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan
25	Xét thăng hạng Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng III	Tổ chức cán bộ	- Phòng Tổ chức cán bộ Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan
26	Xét thăng hạng Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng II	Tổ chức cán bộ	- Phòng Tổ chức cán bộ Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
27	Xét thăng hạng Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III	Tổ chức cán bộ	- Phòng Tổ chức cán bộ Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan
28	Xét thăng hạng Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II.	Tổ chức cán bộ	- Phòng Tổ chức cán bộ Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan
29	Xét thăng hạng Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III	Tổ chức cán bộ	- Phòng Tổ chức cán bộ Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan
30	Xét thăng hạng Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II	Tổ chức cán bộ	- Phòng Tổ chức cán bộ Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan
31	Xét thăng hạng Đo đạc bản đồ viên hạng III	Tổ chức cán bộ	- Phòng Tổ chức cán bộ Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan
32	Xét thăng hạng Đo đạc bản đồ viên hạng II	Tổ chức cán bộ	- Phòng Tổ chức cán bộ Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan

Phụ lục II: NỘI DUNG CỤ THỂ TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ
(Kèm theo Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội)

1. Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV lên Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập rà soát cơ cấu chức danh nghề nghiệp, lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV lên bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III, báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tổng hợp cơ cấu chức danh nghề nghiệp, số lượng chỉ tiêu xét thăng hạng; thẩm định hồ sơ, xem xét, quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV lên bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III, gửi Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền.

Bước 3. Sở Nội vụ tổng hợp chỉ tiêu thăng hạng của Sở Nông nghiệp và Môi trường; thẩm định hồ sơ; Xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Sau khi Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; Sở Nội vụ thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với viên chức dự xét thăng hạng. Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

Thông báo kết quả xét thăng hạng: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp bảo vệ viên thực vật hạng III đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.
- Trực tuyến.
- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng; Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ;

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày bắt đầu thẩm định hồ sơ

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên; Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3 đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên.

- Đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên: Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, trên cơ sở thỏa thuận của Sở Nội vụ thống nhất về chi tiêu thăng hạng và cơ cấu chức danh nghề nghiệp.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III và xếp lương.

i) Lệ phí: Không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Theo Điều 2 và Điều 4 Thông tư 16/2024/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác theo quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 36/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật và Khoản 1, 2, 3 Điều 1 Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư liên tịch số 36/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật;

- Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Thông tư 16/2024/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các tổ chức hành chính, đơn thủ tục hành chính vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Xét thăng hạng viên chức từ Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III lên Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng II.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập rà soát cơ cấu chức danh nghề nghiệp, lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III lên Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng II, báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tổng hợp cơ cấu chức danh nghề nghiệp, số lượng chỉ tiêu xét thăng hạng; thẩm định hồ sơ, xem xét, quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III lên Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng II, gửi Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền.

Bước 3. Sở Nội vụ tổng hợp chỉ tiêu thăng hạng của Sở Nông nghiệp và Môi trường; thẩm định hồ sơ; Xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Sau khi Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; Sở Nội vụ thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với viên chức dự xét thăng hạng.
Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

Thông báo kết quả xét thăng hạng: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp Bảo vệ viên thực vật hạng II đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.
- Trực tuyến.
- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng; Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ;

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày bắt đầu thẩm định hồ sơ

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên; Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3 đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên.

- Đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên: Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, trên cơ sở thỏa thuận của Sở Nội vụ thống nhất về chi tiêu thăng hạng và cơ cấu chức danh nghề nghiệp.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Bảo vệ viên Bảo vệ thực vật hạng II và xếp lương.

i) Lệ phí: Không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng II khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Theo Điều 2 và Điều 3 Thông tư 16/2024/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác theo quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 36/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật và Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư liên tịch số 36/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật;

- Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Thông tư 16/2024/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

3. Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên giám định thuốc bảo vệ thực vật hạng IV lên Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng III.**a) Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập rà soát cơ cấu chức danh nghề nghiệp, lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên giám định thuốc bảo vệ thực vật hạng IV lên Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng III, báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tổng hợp cơ cấu chức danh nghề nghiệp, số lượng chỉ tiêu xét thăng hạng; thẩm định hồ sơ, xem xét, quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên giám định thuốc bảo vệ thực vật hạng IV lên Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng III, gửi Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền.

Bước 3. Sở Nội vụ tổng hợp chỉ tiêu thăng hạng của Sở Nông nghiệp và Môi trường; thẩm định hồ sơ; Xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Sau khi Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; Sở Nội vụ thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với viên chức dự xét thăng hạng. Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

Thông báo kết quả xét thăng hạng: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng III đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.
- Trực tuyến.
- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng; Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ;

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày bắt đầu thẩm định hồ sơ

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên; Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3 đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên.

- Đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên: Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, trên cơ sở thỏa thuận của Sở Nội vụ thống nhất về chỉ tiêu thăng hạng và cơ cấu chức danh nghề nghiệp.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Giám định viên thuộc bảo vệ thực vật hạng III và xếp lương.

i) Lệ phí: Không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh Giám định viên thuộc bảo vệ thực vật hạng III khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Theo Điều 2 và Điều 4 Thông tư 16/2024/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác theo quy định tại Điều 9 Thông tư liên tịch số 36/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật và Khoản 12, 13, 14 Điều 1 Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư liên tịch số 36/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật;

- Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Thông tư 16/2024/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

4. Xét thăng hạng viên chức từ Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng III lên Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng II.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập rà soát cơ cấu chức danh nghề nghiệp, lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng III lên Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng II, báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tổng hợp cơ cấu chức danh nghề nghiệp, số lượng chỉ tiêu xét thăng hạng; thẩm định hồ sơ, xem xét, quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng III lên Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng II, gửi Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền.

Bước 3. Sở Nội vụ tổng hợp chỉ tiêu thăng hạng của Sở Nông nghiệp và Môi trường; thẩm định hồ sơ; Xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Sau khi Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; Sở Nội vụ thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với viên chức dự xét thăng hạng. Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

Thông báo kết quả xét thăng hạng: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng II đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.
- Trực tuyến.
- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng; Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ;

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày bắt đầu thẩm định hồ sơ

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi

thường xuyên; Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3 đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên.

- Đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên: Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, trên cơ sở thỏa thuận của Sở Nội vụ thống nhất về chỉ tiêu thăng hạng và cơ cấu chức danh nghề nghiệp.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng II và xếp lương.

i) Lệ phí: Không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng II khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Theo Điều 2 và Điều 3 Thông tư 16/2024/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác theo quy định tại Điều 8 Thông tư liên tịch số 36/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật và Khoản 9, 10, 11 Điều 1 Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư liên tịch số 36/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật;

- Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Thông tư 16/2024/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

5. Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên kiểm nghiệm cây trồng hạng IV lên Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng III.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập rà soát cơ cấu chức danh nghề nghiệp, lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên kiểm nghiệm cây trồng hạng IV lên Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng III, báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tổng hợp cơ cấu chức danh nghề nghiệp, số lượng chỉ tiêu xét thăng hạng; thẩm định hồ sơ, xem xét, quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên kiểm nghiệm cây trồng hạng IV lên Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng III, gửi Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền.

Bước 3. Sở Nội vụ tổng hợp chỉ tiêu thăng hạng của Sở Nông nghiệp và Môi trường; thẩm định hồ sơ; Xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Sau khi Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; Sở Nội vụ thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với viên chức dự xét thăng hạng. Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

Thông báo kết quả xét thăng hạng: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng III đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.
- Trực tuyến.
- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng; Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì

không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ;

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày bắt đầu thẩm định hồ sơ

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên; Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3 đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên.

- Đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên: Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, trên cơ sở thỏa thuận của Sở Nội vụ thống nhất về chỉ tiêu thăng hạng và cơ cấu chức danh nghề nghiệp.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng III và xếp lương.

i) Lệ phí: Không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng III khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Theo Điều 2 và Điều 4 Thông tư 16/2024/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác theo quy định tại Điều 13 Thông tư liên tịch số 36/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn

chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật và Khoản 20, 21, 22 Điều 1 Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư liên tịch số 36/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật;

- Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Thông tư 16/2024/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

6. Xét thăng hạng viên chức từ Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng III lên Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng II.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập rà soát cơ cấu chức danh nghề nghiệp, lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng III lên Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng II, báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tổng hợp cơ cấu chức danh nghề nghiệp, số lượng chỉ tiêu xét thăng hạng; thẩm định hồ sơ, xem xét, quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng III lên Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng II, gửi Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền.

Bước 3. Sở Nội vụ tổng hợp chỉ tiêu thăng hạng của Sở Nông nghiệp và Môi trường; thẩm định hồ sơ; Xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Sau khi Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; Sở Nội vụ thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với viên chức dự xét thăng hạng. Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

Thông báo kết quả xét thăng hạng: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng II đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.
- Trực tuyến.
- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng; Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ;

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày bắt đầu thẩm định hồ sơ

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên; Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3 đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên.

- Đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên: Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, trên cơ sở thỏa thuận của Sở Nội vụ thống nhất về chỉ tiêu thăng hạng và cơ cấu chức danh nghề nghiệp.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng II và xếp lương.

i) Lệ phí: Không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng II khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Theo Điều 2 và Điều 3 Thông tư 16/2024/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác theo quy định tại Điều 12 Thông tư liên tịch số 36/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật và Khoản 17, 18, 19 Điều 1 Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư liên tịch số 36/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật;

- Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Thông tư 16/2024/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

7. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Kỹ thuật viên chẩn đoán bệnh động vật hạng IV lên chẩn đoán bệnh động vật hạng III.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập rà soát cơ cấu chức danh nghề nghiệp, lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên chẩn đoán bệnh động vật hạng IV lên Chẩn đoán viên bệnh động vật hạng III, báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tổng hợp cơ cấu chức danh nghề nghiệp, số lượng chỉ tiêu xét thăng hạng; thẩm định hồ sơ, xem xét, quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên chẩn đoán bệnh động vật hạng IV lên Chẩn đoán viên bệnh động vật hạng III, gửi Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền.

Bước 3. Sở Nội vụ tổng hợp chỉ tiêu thăng hạng của Sở Nông nghiệp và Môi trường; thẩm định hồ sơ; Xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Sau khi Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; Sở Nội vụ thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với viên chức dự xét thăng hạng.
Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

Thông báo kết quả xét thăng hạng: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp Chuẩn đoán viên bệnh động vật hạng III đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.
- Trực tuyến.
- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng; Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ;

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày bắt đầu thẩm định hồ sơ

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên; Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3 đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên.

- Đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên: Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, trên cơ sở thỏa thuận của Sở Nội vụ thống nhất về chỉ tiêu thăng hạng và cơ cấu chức danh nghề nghiệp.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Chẩn đoán viên bệnh động vật hạng III và xếp lương.

i) Lệ phí: Không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh Chẩn đoán viên bệnh động vật hạng III khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Theo Điều 2 và Điều 4 Thông tư 16/2024/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác theo quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y và Khoản 4, 5, 6 Điều 2

Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y;

- Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Thông tư 16/2024/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

8. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ chẩn đoán bệnh động vật hạng III lên chẩn đoán bệnh động vật hạng II.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập rà soát cơ cấu chức danh nghề nghiệp, lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Chẩn đoán viên bệnh động vật hạng III lên Chẩn đoán viên bệnh động vật hạng II, báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tổng hợp cơ cấu chức danh nghề nghiệp, số lượng chỉ tiêu xét thăng hạng; thẩm định hồ sơ, xem xét, quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Chẩn đoán viên bệnh động vật hạng III lên Chẩn đoán viên bệnh động vật hạng II, gửi Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền.

Bước 3. Sở Nội vụ tổng hợp chỉ tiêu thăng hạng của Sở Nông nghiệp và Môi trường; thẩm định hồ sơ; Xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Sau khi Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; Sở Nội vụ thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với viên chức dự xét thăng hạng. Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

Thông báo kết quả xét thăng hạng: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp Chẩn đoán viên bệnh động vật hạng II đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.
- Trực tuyến.
- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng; Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ;

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày bắt đầu thẩm định hồ sơ

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên; Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3 đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên.

- Đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên: Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, trên cơ sở thỏa thuận của Sở Nội vụ thống nhất về chỉ tiêu thăng hạng và cơ cấu chức danh nghề nghiệp.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Chẩn đoán viên bệnh động vật hạng II và xếp lương.

i) Lệ phí: Không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh Chẩn đoán viên bệnh động vật hạng II khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Theo Điều 2 và Điều 3 Thông tư 16/2024/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác theo quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y và Khoản 1, 2, 3 Điều 2 Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y;

- Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Thông tư 16/2024/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

9. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Kỹ thuật viên kiểm tra vệ sinh thú y hạng IV lên Kiểm tra viên vệ sinh thú y hạng III.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập rà soát cơ cấu chức danh nghề nghiệp, lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên kiểm tra vệ sinh thú y hạng IV lên Kiểm tra vệ sinh thú y hạng III, báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tổng hợp cơ cấu chức danh nghề nghiệp, số lượng chỉ tiêu xét thăng hạng; thẩm định hồ sơ, xem xét, quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên kiểm tra vệ sinh thú y hạng IV lên Kiểm tra vệ sinh thú y hạng III, gửi Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền.

Bước 3. Sở Nội vụ tổng hợp chỉ tiêu thăng hạng của Sở Nông nghiệp và Môi trường; thẩm định hồ sơ; Xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Sau khi Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; Sở Nội vụ thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với viên chức dự xét thăng hạng. Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

Thông báo kết quả xét thăng hạng: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp Kiểm tra vệ sinh thú y hạng III đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.
- Trực tuyến.
- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng; Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ;

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày bắt đầu thẩm định hồ sơ

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên; Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3 đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên.

- Đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên: Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, trên cơ sở thỏa thuận của Sở Nội vụ thống nhất về chỉ tiêu thăng hạng và cơ cấu chức danh nghề nghiệp.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Kiểm tra vệ sinh thú y hạng III và xếp lương.

i) Lệ phí: Không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh Kiểm tra vệ sinh thú y hạng III khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Theo Điều 2 và Điều 4 Thông tư 16/2024/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác theo quy định tại Điều 9 Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y và Khoản 12, 13, 14 Điều 2 Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y;

- Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Thông tư 16/2024/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

10. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Kiểm tra viên vệ sinh thú y hạng III lên Kiểm tra viên vệ sinh thú y hạng II.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập rà soát cơ cấu chức danh nghề nghiệp, lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kiểm tra vệ sinh thú y hạng III lên Kiểm tra vệ sinh thú y hạng II, báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tổng hợp cơ cấu chức danh nghề nghiệp, số lượng chỉ tiêu xét thăng hạng; thẩm định hồ sơ, xem xét, quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kiểm tra vệ sinh thú y hạng III lên Kiểm tra vệ sinh thú y hạng II, gửi Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền.

Bước 3. Sở Nội vụ tổng hợp chỉ tiêu thăng hạng của Sở Nông nghiệp và Môi trường; thẩm định hồ sơ; Xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Sau khi Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; Sở Nội vụ thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với viên chức dự xét thăng hạng. Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

Thông báo kết quả xét thăng hạng: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp Kiểm tra vệ sinh thú y hạng II đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.
- Trực tuyến.
- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng; Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ;

- + Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng
- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày bắt đầu thẩm định hồ sơ

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên; Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3 đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên.

- Đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên: Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, trên cơ sở thỏa thuận của Sở Nội vụ thống nhất về chi tiêu thăng hạng và cơ cấu chức danh nghề nghiệp.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Kiểm tra vệ sinh thú y hạng II và xếp lương.

i) Lệ phí: Không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh Kiểm tra vệ sinh thú y hạng II khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Theo Điều 2 và Điều 3 Thông tư 16/2024/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác theo quy định tại Điều 8 Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y và Khoản 9, 10, 11 Điều 2 Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y;

- Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Thông tư 16/2024/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

11. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Kỹ thuật viên kiểm nghiệm thuốc thú y hạng IV lên Kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng III.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập rà soát cơ cấu chức danh nghề nghiệp, lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên kiểm nghiệm thuốc thú y hạng IV lên Kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng III, báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tổng hợp cơ cấu chức danh nghề nghiệp, số lượng chỉ tiêu xét thăng hạng; thẩm định hồ sơ, xem xét, quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên kiểm nghiệm thuốc thú y hạng IV lên Kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng III, gửi Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền.

Bước 3. Sở Nội vụ tổng hợp chỉ tiêu thăng hạng của Sở Nông nghiệp và Môi trường; thẩm định hồ sơ; Xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Sau khi Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; Sở Nội vụ thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với viên chức dự xét thăng hạng. Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

Thông báo kết quả xét thăng hạng: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp Kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng III đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.
- Trực tuyến.
- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng; Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ;

- + Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng
- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày bắt đầu thẩm định hồ sơ

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên; Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3 đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên.

- Đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên: Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, trên cơ sở thỏa thuận của Sở Nội vụ thống nhất về chỉ tiêu thăng hạng và cơ cấu chức danh nghề nghiệp.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng III và xếp lương.

i) Lệ phí: Không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh Kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng III khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Theo Điều 2 và Điều 4 Thông tư 16/2024/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn:

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác theo quy định tại Điều 13 Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y và Khoản 20, 21, 22 Điều 2 Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y;

- Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Thông tư 16/2024/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

12. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng III lên Kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng II.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập rà soát cơ cấu chức danh nghề nghiệp, lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng III lên Kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng II, báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tổng hợp cơ cấu chức danh nghề nghiệp, số lượng chỉ tiêu xét thăng hạng; thẩm định hồ sơ, xem xét, quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng III lên Kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng II, gửi Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền.

Bước 3. Sở Nội vụ tổng hợp chỉ tiêu thăng hạng của Sở Nông nghiệp và Môi trường; thẩm định hồ sơ; Xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Sau khi Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; Sở Nội vụ thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với viên chức dự xét thăng hạng. Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

Thông báo kết quả xét thăng hạng: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp Kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng II đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.
- Trực tuyến.
- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng; Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ;

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày bắt đầu thẩm định hồ sơ

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên; Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3 đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên.

- Đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên: Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, trên cơ sở thỏa thuận của Sở Nội vụ thống nhất về chỉ tiêu thăng hạng và cơ cấu chức danh nghề nghiệp.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng II và xếp lương.

i) Lệ phí: Không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh Kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng II khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Theo Điều 2 và Điều 3 Thông tư 16/2024/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn:

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác theo quy định tại Điều 12 Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y và Khoản 17, 18, 19 Điều 2 Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y;

- Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Thông tư 16/2024/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

13. Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên kiểm nghiệm chăn nuôi hạng IV lên Kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng III.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập rà soát cơ cấu chức danh nghề nghiệp, lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên kiểm nghiệm chăn nuôi hạng IV lên Kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng III, báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tổng hợp cơ cấu chức danh nghề nghiệp, số lượng chỉ tiêu xét thăng hạng; thẩm định hồ sơ, xem xét, quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên kiểm nghiệm chăn nuôi hạng IV lên Kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng III, gửi Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền.

Bước 3. Sở Nội vụ tổng hợp chỉ tiêu thăng hạng của Sở Nông nghiệp và Môi trường; thẩm định hồ sơ; Xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Sau khi Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; Sở Nội vụ thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với viên chức dự xét thăng hạng. Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

Thông báo kết quả xét thăng hạng: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Sở Nông nghiệp và

Môi trường quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp Kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng III đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.
- Trực tuyến.
- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng; Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ;

- + Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng
- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày bắt đầu thẩm định hồ sơ

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên; Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3 đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên.

- Đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên: Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, trên cơ sở thỏa thuận của Sở Nội vụ thống nhất về chỉ tiêu thăng hạng và cơ cấu chức danh nghề nghiệp.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng III và xếp lương.

i) Lệ phí: Không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh Kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng III khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Theo Điều 2 và Điều 4 Thông tư 16/2024/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn:

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác theo quy định tại Điều 17 Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y và Khoản 28, 29, 30 Điều 2 Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y;

- Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Thông tư 16/2024/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và PTNT.

- Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

14. Xét thăng hạng viên chức từ Kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng III lên Kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng II.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập rà soát cơ cấu chức danh nghề nghiệp, lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng III lên Kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng II, báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tổng hợp cơ cấu chức danh nghề nghiệp, số lượng chỉ tiêu xét thăng hạng; thẩm định hồ sơ, xem xét, quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng III lên Kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng II, gửi Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền.

Bước 3. Sở Nội vụ tổng hợp chỉ tiêu thăng hạng của Sở Nông nghiệp và Môi trường; thẩm định hồ sơ; Xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Sau khi Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; Sở Nội vụ thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với viên chức dự xét thăng hạng.
Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

Thông báo kết quả xét thăng hạng: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp Kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng II đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.
- Trực tuyến.
- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng; Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ;

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày bắt đầu thẩm định hồ sơ

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên; Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3 đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên.

- Đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên: Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, trên cơ sở thỏa thuận của Sở Nội vụ thống nhất về chỉ tiêu thăng hạng và cơ cấu chức danh nghề nghiệp.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng II và xếp lương.

i) Lệ phí: Không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh Kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng II khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Theo Điều 2 và Điều 3 Thông tư 16/2024/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn:

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác theo quy định tại Điều 16 Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y và Khoản 25, 26, 27 Điều 2 Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y;

- Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Thông tư 16/2024/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

15. Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên kiểm nghiệm thủy sản hạng IV lên Kiểm nghiệm viên thủy sản hạng III.**a) Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập rà soát cơ cấu chức danh nghề nghiệp, lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên kiểm nghiệm thủy sản hạng IV lên Kiểm nghiệm viên thủy sản hạng III, báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tổng hợp cơ cấu chức danh nghề nghiệp, số lượng chỉ tiêu xét thăng hạng; thẩm định hồ sơ, xem xét, quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên kiểm nghiệm thủy sản hạng IV lên Kiểm nghiệm viên thủy sản hạng III, gửi Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền.

Bước 3. Sở Nội vụ tổng hợp chỉ tiêu thăng hạng của Sở Nông nghiệp và Môi trường; thẩm định hồ sơ; Xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Sau khi Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; Sở Nội vụ thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với viên chức dự xét thăng hạng. Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

Thông báo kết quả xét thăng hạng: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp Kiểm nghiệm viên thủy sản hạng III đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.
- Trực tuyến.
- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng; Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ;

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày bắt đầu thẩm định hồ sơ

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên; Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3 đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên.

- Đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên: Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, trên cơ sở thỏa thuận của Sở Nội vụ thống nhất về chỉ tiêu thăng hạng và cơ cấu chức danh nghề nghiệp.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Kiểm nghiệm viên thủy sản hạng III và xếp lương.

i) Lệ phí: Không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh Kiểm nghiệm viên thủy sản hạng III khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Theo Điều 2 và Điều 4 Thông tư 16/2024/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn:

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác theo quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 38/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm nghiệm thủy sản và Khoản 4, 5, 6 Điều 3 Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư liên tịch số 38/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm nghiệm thủy sản;

- Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Thông tư 16/2024/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

16. Xét thăng hạng viên chức từ Kiểm nghiệm viên thủy sản hạng III lên Kiểm nghiệm viên thủy sản hạng II.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập rà soát cơ cấu chức danh nghề nghiệp, lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kiểm nghiệm viên thủy sản hạng III lên Kiểm nghiệm viên thủy sản hạng II, báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tổng hợp cơ cấu chức danh nghề nghiệp, số lượng chỉ tiêu xét thăng hạng; thẩm định hồ sơ, xem xét, quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kiểm nghiệm viên thủy sản hạng III lên Kiểm nghiệm viên thủy sản hạng II, gửi Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền.

Bước 3. Sở Nội vụ tổng hợp chỉ tiêu thăng hạng của Sở Nông nghiệp và Môi trường; thẩm định hồ sơ; Xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Sau khi Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; Sở Nội vụ thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với viên chức dự xét thăng hạng. Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

Thông báo kết quả xét thăng hạng: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp Kiểm nghiệm viên thủy sản hạng II đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.
- Trực tuyến.
- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng; Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ;

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày bắt đầu thẩm định hồ sơ

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi

thường xuyên; Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3 đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên.

- Đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên: Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, trên cơ sở thỏa thuận của Sở Nội vụ thống nhất về chi tiêu thăng hạng và cơ cấu chức danh nghề nghiệp.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Kiểm nghiệm viên thủy sản hạng II và xếp lương.

i) Lệ phí: Không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh Kiểm nghiệm viên thủy sản hạng II khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Theo Điều 2 và Điều 3 Thông tư 16/2024/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn:

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác theo quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 38/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm nghiệm thủy sản và Khoản 1, 2, 3 Điều 3 Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư liên tịch số 38/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm nghiệm thủy sản;

- Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Thông tư 16/2024/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

17. Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên khuyến nông hạng IV lên Khuyến nông viên hạng III.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập rà soát cơ cấu chức danh nghề nghiệp, lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên khuyến nông hạng IV lên Khuyến nông viên hạng III, báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tổng hợp cơ cấu chức danh nghề nghiệp, số lượng chỉ tiêu xét thăng hạng; thẩm định hồ sơ, xem xét, quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên khuyến nông hạng IV lên Khuyến nông viên hạng III, gửi Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền.

Bước 3. Sở Nội vụ tổng hợp chỉ tiêu thăng hạng của Sở Nông nghiệp và Môi trường; thẩm định hồ sơ; Xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Sau khi Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; Sở Nội vụ thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với viên chức dự xét thăng hạng. Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

Thông báo kết quả xét thăng hạng: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp Khuyến nông viên hạng III đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.
- Trực tuyến.
- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bản, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng; Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bản, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ;

- + Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng
- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày bắt đầu thẩm định hồ sơ

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên; Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3 đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên.

- Đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên: Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, trên cơ sở thỏa thuận của Sở Nội vụ thống nhất về chi tiêu thăng hạng và cơ cấu chức danh nghề nghiệp.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Khuyến nông viên hạng III và xếp lương.

i) Lệ phí: Không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh Khuyến nông viên hạng III khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Theo Điều 2 và Điều 4 Thông tư 16/2024/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn:

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 18/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2020 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành khuyến nông, chuyên ngành quản lý bảo vệ rừng và Khoản 3, 4, Điều 4 Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư số 18/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2020 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành khuyến nông, chuyên ngành quản lý bảo vệ rừng;

- Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Thông tư 16/2024/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

18. Xét thăng hạng viên chức từ Khuyến nông viên hạng III lên Khuyến nông viên chính hạng II.**a) Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập rà soát cơ cấu chức danh nghề nghiệp, lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Khuyến nông viên hạng III lên Khuyến nông viên chính hạng II, báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tổng hợp cơ cấu chức danh nghề nghiệp, số lượng chỉ tiêu xét thăng hạng; thẩm định hồ sơ, xem xét, quyết

định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Khuyến nông viên hạng III lên Khuyến nông viên chính hạng II, gửi Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền.

Bước 3. Sở Nội vụ tổng hợp chỉ tiêu thăng hạng của Sở Nông nghiệp và Môi trường; thẩm định hồ sơ; Xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Sau khi Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; Sở Nội vụ thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với viên chức dự xét thăng hạng. Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

Thông báo kết quả xét thăng hạng: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp Khuyến nông viên chính hạng II đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.
- Trực tuyến.
- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng; Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ;

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày bắt đầu thẩm định hồ sơ

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên; Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3 đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên.

- Đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên: Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, trên cơ sở thỏa thuận của Sở Nội vụ thống nhất về chỉ tiêu thăng hạng và cơ cấu chức danh nghề nghiệp.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Khuyến nông viên chính hạng II và xếp lương.

i) Lệ phí: Không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh Khuyến nông viên chính hạng II khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Theo Điều 2 và Điều 3 Thông tư 16/2024/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn:

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 18/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2020 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành khuyến nông, chuyên ngành quản lý bảo vệ rừng và Khoản 1, 2, Điều 3 Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư số 18/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2020 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành khuyến nông, chuyên ngành quản lý bảo vệ rừng;

- Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Thông tư 16/2024/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

19. Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên quản lý bảo vệ rừng hạng IV lên Quản lý bảo vệ rừng viên hạng III.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập rà soát cơ cấu chức danh nghề nghiệp, lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên quản lý bảo vệ rừng hạng IV lên Quản lý bảo vệ rừng viên hạng III, báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tổng hợp cơ cấu chức danh nghề nghiệp, số lượng chỉ tiêu xét thăng hạng; thẩm định hồ sơ, xem xét, quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên quản lý bảo vệ rừng hạng IV lên Quản lý bảo vệ rừng viên hạng III, gửi Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền.

Bước 3. Sở Nội vụ tổng hợp chỉ tiêu thăng hạng của Sở Nông nghiệp và Môi trường; thẩm định hồ sơ; Xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Sau khi Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; Sở Nội vụ thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với viên chức dự xét thăng hạng. Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

Thông báo kết quả xét thăng hạng: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp Quản lý bảo vệ rừng viên hạng III đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.
- Trực tuyến.
- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng; Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ;

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày bắt đầu thẩm định hồ sơ

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên; Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3 đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên.

- Đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên: Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, trên cơ sở thỏa thuận của Sở Nội vụ thống nhất về chỉ tiêu thăng hạng và cơ cấu chức danh nghề nghiệp.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Quản lý bảo vệ rừng viên hạng III và xếp lương.

i) Lệ phí: Không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh Quản lý bảo vệ rừng viên hạng III khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Theo Điều 2 và Điều 4 Thông tư 16/2024/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn:

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 18/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2020 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành khuyến nông, chuyên ngành quản lý bảo vệ rừng và Khoản 7, 8, Điều 4 Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư số 18/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2020 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành khuyến nông, chuyên ngành quản lý bảo vệ rừng;

- Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Thông tư 16/2024/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

20. Xét thăng hạng viên chức từ Quản lý bảo vệ rừng viên hạng III lên Quản lý rừng viên chính hạng II.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập rà soát cơ cấu chức danh nghề nghiệp, lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quản lý bảo vệ rừng viên hạng III lên Quản lý bảo vệ rừng viên chính hạng II, báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tổng hợp cơ cấu chức danh nghề nghiệp, số lượng chỉ tiêu xét thăng hạng; thẩm định hồ sơ, xem xét, quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quản lý bảo vệ rừng viên hạng III lên Quản lý bảo vệ rừng viên chính hạng II, gửi Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền.

Bước 3. Sở Nội vụ tổng hợp chỉ tiêu thăng hạng của Sở Nông nghiệp và Môi trường; thẩm định hồ sơ; Xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Sau khi Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; Sở Nội vụ thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với viên chức dự xét thăng hạng. Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

Thông báo kết quả xét thăng hạng: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp Quản lý bảo vệ rừng viên chính hạng II đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.
- Trực tuyến.
- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng; Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ;

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày bắt đầu thẩm định hồ sơ

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên; Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3 đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên.

- Đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên: Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, trên cơ sở thỏa thuận của Sở Nội vụ thống nhất về chỉ tiêu thăng hạng và cơ cấu chức danh nghề nghiệp.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Quản lý bảo vệ rừng viên chức hạng II và xếp lương.

i) Lệ phí: Không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh Quản lý bảo vệ rừng viên chức hạng II khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Theo Điều 2 và Điều 3 Thông tư 16/2024/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 18/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2020 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành khuyến nông, chuyên ngành quản lý bảo vệ rừng và Khoản 5, 6, Điều 4 Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư số 18/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2020 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành khuyến nông, chuyên ngành quản lý bảo vệ rừng;

- Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Thông tư 16/2024/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

21. Xét thăng hạng địa chính viên hạng III.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập rà soát cơ cấu chức danh nghề nghiệp, lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Địa chính viên hạng III, báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tổng hợp cơ cấu chức danh nghề nghiệp, số lượng chỉ tiêu xét thăng hạng; thẩm định hồ sơ, xem xét, quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Địa chính viên hạng III, gửi Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền.

Bước 3. Sở Nội vụ tổng hợp chỉ tiêu thăng hạng của Sở Nông nghiệp và Môi trường; thẩm định hồ sơ; Xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Sau khi Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; Sở Nội vụ thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với viên chức dự xét thăng hạng. Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

Thông báo kết quả xét thăng hạng: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp Địa chính viên hạng III đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.
- Trực tuyến.
- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng; Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ;

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày bắt đầu thẩm định hồ sơ

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên; Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3 đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên.

- Đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên: Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, trên cơ sở thỏa thuận của Sở Nội vụ thống nhất về chỉ tiêu thăng hạng và cơ cấu chức danh nghề nghiệp.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Địa chính viên hạng III và xếp lương.

i) Lệ phí: Không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh Địa chính viên hạng III khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính và Khoản 2, Điều 1 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường;

- Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

22. Xét thăng hạng địa chính viên hạng II.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập rà soát cơ cấu chức danh nghề nghiệp, lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Địa chính viên hạng II, báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tổng hợp cơ cấu chức danh nghề nghiệp, số lượng chỉ tiêu xét thăng hạng; thẩm định hồ sơ, xem xét, quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Địa chính viên hạng II, gửi Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền.

Bước 3. Sở Nội vụ tổng hợp chỉ tiêu thăng hạng của Sở Nông nghiệp và Môi trường; thẩm định hồ sơ; Xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Sau khi Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; Sở Nội vụ thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với viên chức dự xét thăng hạng. Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

Thông báo kết quả xét thăng hạng: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp Địa chính viên hạng II đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.
- Trực tuyến.
- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng; Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ;

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày bắt đầu thẩm định hồ sơ

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên; Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3 đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên.

- Đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên: Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, trên cơ sở thỏa thuận của Sở Nội vụ thống nhất về chỉ tiêu thăng hạng và cơ cấu chức danh nghề nghiệp.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Địa chính viên hạng II và xếp lương.

i) Lệ phí: Không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức Địa chính viên hạng II khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Theo Điều 3 Thông tư 06/2024/TT-BTNMT ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành tài nguyên và môi trường;

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính và Khoản 1, Điều 1 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường;

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường;

- Thông tư 06/2024/TT-BTNMT ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành tài nguyên và môi trường;

- Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

23. Xét thăng hạng Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập rà soát cơ cấu chức danh nghề nghiệp, lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III, báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tổng hợp cơ cấu chức danh nghề nghiệp, số lượng chỉ tiêu xét thăng hạng; thẩm định hồ sơ, xem xét, quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III, gửi Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền.

Bước 3. Sở Nội vụ tổng hợp chỉ tiêu thăng hạng của Sở Nông nghiệp và Môi trường; thẩm định hồ sơ; Xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Sau khi Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; Sở Nội vụ thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với viên chức dự xét thăng hạng. Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

Thông báo kết quả xét thăng hạng: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.
- Trực tuyến.
- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng; Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ;

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày bắt đầu thẩm định hồ sơ

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên; Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3 đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên.

- Đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên: Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, trên cơ sở thỏa thuận của Sở Nội vụ thống nhất về chi tiêu thăng hạng và cơ cấu chức danh nghề nghiệp.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III và xếp lương.

i) Lệ phí: Không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 53/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành điều tra tài nguyên môi trường và Khoản 2, Điều 2 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư số 53/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành điều tra tài nguyên môi trường;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường;

- Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

24. Xét thăng hạng Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng II.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập rà soát cơ cấu chức danh nghề nghiệp, lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng II, báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tổng hợp cơ cấu chức danh nghề nghiệp, số lượng chỉ tiêu xét thăng hạng; thẩm định hồ sơ, xem xét, quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng II, gửi Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền.

Bước 3. Sở Nội vụ tổng hợp chỉ tiêu thăng hạng của Sở Nông nghiệp và Môi trường; thẩm định hồ sơ; Xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Sau khi Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; Sở Nội vụ thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với viên chức dự xét thăng hạng. Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

Thông báo kết quả xét thăng hạng: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng II đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.
- Trực tuyến.
- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng; Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ;

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày bắt đầu thẩm định hồ sơ

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên; Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3 đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên.

- Đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên: Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, trên cơ sở thỏa thuận của Sở Nội vụ thống nhất về chỉ tiêu thăng hạng và cơ cấu chức danh nghề nghiệp.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng II và xếp lương.

i) Lệ phí: Không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng II khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Theo Điều 3 Thông tư 06/2024/TT-BTNMT ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành tài nguyên và môi trường;

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 53/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành điều tra tài nguyên môi trường và Khoản 1, Điều 2 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường;

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư số 53/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành điều tra tài nguyên môi trường;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường;

- Thông tư 06/2024/TT-BTNMT ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành tài nguyên và môi trường;

- Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

25. Xét thăng hạng Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng III.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập rà soát cơ cấu chức danh nghề nghiệp, lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Dự báo khí tượng thủy văn hạng III, báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tổng hợp cơ cấu chức danh nghề nghiệp, số lượng chỉ tiêu xét thăng hạng; thẩm định hồ sơ, xem xét, quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Dự báo khí tượng thủy văn hạng III, gửi Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền.

Bước 3. Sở Nội vụ tổng hợp chỉ tiêu thăng hạng của Sở Nông nghiệp và Môi trường; thẩm định hồ sơ; Xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Sau khi Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; Sở Nội vụ thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với viên chức dự xét thăng hạng. Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

Thông báo kết quả xét thăng hạng: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp Dự báo khí tượng thủy văn hạng III đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.
- Trực tuyến.
- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng; Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ;

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày bắt đầu thẩm định hồ sơ

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên; Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3 đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên.

- Đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên: Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, trên cơ sở thỏa thuận của Sở Nội vụ thống nhất về chỉ tiêu thăng hạng và cơ cấu chức danh nghề nghiệp.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Dự báo khí tượng thủy văn hạng III và xếp lương.

i) Lệ phí: Không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh Dự báo khí tượng thủy văn hạng III khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác theo quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 54/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành dự báo khí tượng thủy văn và Khoản 2, Điều 3 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư liên tịch số 54/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành dự báo khí tượng thủy văn;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường;

- Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

26. Xét thăng hạng Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng II.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập rà soát cơ cấu chức danh nghề nghiệp, lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng II, báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tổng hợp cơ cấu chức danh nghề nghiệp, số lượng chỉ tiêu xét thăng hạng; thẩm định hồ sơ, xem xét, quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng II, gửi Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền.

Bước 3. Sở Nội vụ tổng hợp chỉ tiêu thăng hạng của Sở Nông nghiệp và Môi trường; thẩm định hồ sơ; Xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Sau khi Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; Sở Nội vụ thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với viên chức dự xét thăng hạng. Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

Thông báo kết quả xét thăng hạng: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng II đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.
- Trực tuyến.
- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng; Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ;

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày bắt đầu thẩm định hồ sơ

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên; Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3 đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên.

- Đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên: Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, trên cơ sở thỏa thuận của Sở Nội vụ thống nhất về chỉ tiêu thăng hạng và cơ cấu chức danh nghề nghiệp.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng II và xếp lương.

i) Lệ phí: Không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

D) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng II khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Theo Điều 3 Thông tư 06/2024/TT-BTNMT ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành tài nguyên và môi trường;

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 54/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành dự báo khí tượng thủy văn và Khoản 1, Điều 3 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường;

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư số 54/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành dự báo khí tượng thủy văn;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường;

- Thông tư 06/2024/TT-BTNMT ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành tài nguyên và môi trường;

- Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

27. Xét thăng hạng Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập rà soát cơ cấu chức danh nghề nghiệp, lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III, báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tổng hợp cơ cấu chức danh nghề nghiệp, số lượng chỉ tiêu xét thăng hạng; thẩm định hồ sơ, xem xét, quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III, gửi Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền.

Bước 3. Sở Nội vụ tổng hợp chỉ tiêu thăng hạng của Sở Nông nghiệp và Môi trường; thẩm định hồ sơ; Xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Sau khi Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; Sở Nội vụ thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với viên chức dự xét thăng hạng. Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

Thông báo kết quả xét thăng hạng: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.
- Trực tuyến.
- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng; Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ;

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày bắt đầu thẩm định hồ sơ

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên; Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3 đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên.

- Đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên: Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, trên cơ sở thỏa thuận của Sở Nội vụ thống nhất về chỉ tiêu thăng hạng và cơ cấu chức danh nghề nghiệp.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III và xếp lương.

i) Lệ phí: Không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác theo quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn và Khoản 2, Điều 4 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường;

- Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

28. Xét thăng hạng Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II.**a) Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập rà soát cơ cấu chức danh nghề nghiệp, lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II, báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tổng hợp cơ cấu chức danh nghề nghiệp, số lượng chỉ tiêu xét thăng hạng; thẩm định hồ sơ, xem xét, quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II, gửi Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền.

Bước 3. Sở Nội vụ tổng hợp chỉ tiêu thăng hạng của Sở Nông nghiệp và Môi trường; thẩm định hồ sơ; Xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Sau khi Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; Sở Nội vụ thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với viên chức dự xét thăng hạng. Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

Thông báo kết quả xét thăng hạng: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.
- Trực tuyến.

- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng; Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ;

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày bắt đầu thẩm định hồ sơ

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên; Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3 đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên.

- Đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên: Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, trên cơ sở thỏa thuận của Sở Nội vụ thống nhất về chỉ tiêu thăng hạng và cơ cấu chức danh nghề nghiệp.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II và xếp lương.

i) Lệ phí: Không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Theo Điều 3 Thông tư 06/2024/TT-BTNMT ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành tài nguyên và môi trường;

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 55/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn và Khoản 1, Điều 4 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường;

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư số 55/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường;

- Thông tư 06/2024/TT-BTNMT ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành tài nguyên và môi trường:

- Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

29. Xét thăng hạng Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập rà soát cơ cấu chức danh nghề nghiệp, lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III, báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tổng hợp cơ cấu chức danh nghề nghiệp, số lượng chỉ tiêu xét thăng hạng; thẩm định hồ sơ, xem xét, quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III, gửi Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền.

Bước 3. Sở Nội vụ tổng hợp chỉ tiêu thăng hạng của Sở Nông nghiệp và Môi trường; thẩm định hồ sơ; Xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Sau khi Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; Sở Nội vụ thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với viên chức dự xét thăng hạng. Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

Thông báo kết quả xét thăng hạng: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.
- Trực tuyến.
- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng; Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ;

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày bắt đầu thẩm định hồ sơ

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên; Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3 đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên.

- Đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên: Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, trên cơ sở thỏa thuận của Sở Nội vụ thống nhất về chỉ tiêu thăng hạng và cơ cấu chức danh nghề nghiệp.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III và xếp lương.

i) Lệ phí: Không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác theo quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 56/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường và Khoản 2, Điều 5 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư liên tịch số 56/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường;

- Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

30. Xét thăng hạng Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập rà soát cơ cấu chức danh nghề nghiệp, lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II, báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tổng hợp cơ cấu chức danh nghề nghiệp, số lượng chỉ tiêu xét thăng hạng; thẩm định hồ sơ, xem xét, quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II, gửi Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền.

Bước 3. Sở Nội vụ tổng hợp chỉ tiêu thăng hạng của Sở Nông nghiệp và Môi trường; thẩm định hồ sơ; Xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Sau khi Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; Sở Nội vụ thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với viên chức dự xét thăng hạng. Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

Thông báo kết quả xét thăng hạng: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp Quan trắc viên tài nguyên môn trường hạng II đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.
- Trực tuyến.
- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng; Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ;

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày bắt đầu thẩm định hồ sơ

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên; Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3 đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên.

- Đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên: Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, trên cơ sở thỏa thuận của Sở Nội vụ thống nhất về chi tiêu thăng hạng và cơ cấu chức danh nghề nghiệp.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II và xếp lương.

i) Lệ phí: Không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Theo Điều 3 Thông tư 06/2024/TT-BTNMT ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành tài nguyên và môi trường;

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 56/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường và Khoản 1, Điều 4 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường;

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư số 56/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường;

- Thông tư 06/2024/TT-BTNMT ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành tài nguyên và môi trường:

- Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

31. Xét thăng hạng Đo đạc bản đồ viên hạng III.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập rà soát cơ cấu chức danh nghề nghiệp, lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Đo đạc bản đồ viên hạng III, báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tổng hợp cơ cấu chức danh nghề nghiệp, số lượng chỉ tiêu xét thăng hạng; thẩm định hồ sơ, xem xét, quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Đo đạc bản đồ viên hạng III, gửi Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền.

Bước 3. Sở Nội vụ tổng hợp chỉ tiêu thăng hạng của Sở Nông nghiệp và Môi trường; thẩm định hồ sơ; Xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Sau khi Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; Sở Nội vụ thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với viên chức dự xét thăng hạng. Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

Thông báo kết quả xét thăng hạng: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp Đơ đặc bản đồ viên hạng III đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.
- Trực tuyến.
- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng; Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ;

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày bắt đầu thẩm định hồ sơ

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên; Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3 đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên.

- Đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên: Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, trên cơ sở thỏa thuận của Sở Nội vụ thống nhất về chi tiêu thăng hạng và cơ cấu chức danh nghề nghiệp.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Đo đạc bản đồ viên hạng III và xếp lương.

i) Lệ phí: Không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh Đo đạc bản đồ viên hạng III khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác theo quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 57/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quan đo đạc bản đồ và Khoản 2, Điều 6 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư liên tịch số 57/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành đo đạc bản đồ;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường;

- Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

32. Xét thăng hạng Đo đạc bản đồ viên hạng II.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập rà soát cơ cấu chức danh nghề nghiệp, lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Đo đạc bản đồ viên hạng II, báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tổng hợp cơ cấu chức danh nghề nghiệp, số lượng chỉ tiêu xét thăng hạng; thẩm định hồ sơ, xem xét, quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Đo đạc bản đồ viên hạng II, gửi Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền.

Bước 3. Sở Nội vụ tổng hợp chỉ tiêu thăng hạng của Sở Nông nghiệp và Môi trường; thẩm định hồ sơ; Xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Sau khi Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; Sở Nội vụ thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với viên chức dự xét thăng hạng. Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

Thông báo kết quả xét thăng hạng: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp Do đặc bản đồ viên hạng II đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.
- Trực tuyến.
- Qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng; Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ;

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày bắt đầu thẩm định hồ sơ

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên; Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3 đối với viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên.

- Đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên: Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, trên cơ sở thỏa thuận của Sở Nội vụ thống nhất về chi tiêu thăng hạng và cơ cấu chức danh nghề nghiệp.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Đo đạc bản đồ viên hạng II và xếp lương.

i) Lệ phí: Không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng Đo đạc bản đồ viên hạng II khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Theo Điều 3 Thông tư 06/2024/TT-BTNMT ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành tài nguyên và môi trường;

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 57/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành đo đạc bản đồ và Khoản 1, Điều 6 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường;

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Thông tư số 57/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành đo đạc bản đồ;
- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường;
- Thông tư 06/2024/TT-BTNMT ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành tài nguyên và môi trường;
- Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI XUẤT BẢN

Địa chỉ: 12 Lê Lai - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: 024.38253536 - 024.37739442

Email: congbao@hanoi.gov.vn

Website: www.hanoi.gov.vn